

## CHƯƠNG 4 TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

10/11/2011

1

### Trung gian tài chính

- I. Rào cản của thị trường tài chính và vai trò của trung gian tài chính
- II. Các trung gian tài chính
- III. Ngân hàng thương mại
- IV. Công ty bảo hiểm

10/11/2011

2

### I. Rào cản của TTTC và vai trò của trung gian tài chính

#### 1. Chi phí giao dịch (transaction cost)

- Chi phí giao dịch khi đầu tư trên thị trường tài chính
- Trung gian tài chính giúp giảm chi phí giao dịch:
  - + Tính kinh tế theo quy mô (Economies of Scale)
  - + Tính chuyên môn (Expertise)

10/11/2011

3

### I. Rào cản của TTTC và vai trò của trung gian tài chính

#### 2. Thông tin bất cân xứng (asymmetric information)

Thông tin không cân xứng



Một bên không biết đầy đủ thông tin về bên kia trong một giao dịch nên không thể đưa ra được các quyết định chính xác

10/11/2011

4

### I. Rào cản của TTTC và vai trò của trung gian tài chính : Thông tin bất cân xứng

#### 2.1. Chọn lựa đối nghịch (Adverse Selection)

- Ảnh hưởng của chọn lựa đối nghịch đối với cấu trúc tài chính – The “Lemons problems”
- Biện pháp để giải quyết vấn đề “Chọn lựa đối nghịch”
  - + Tạo và cung cấp thông tin
  - + Các quy định của Chính phủ về cung cấp thông tin
  - + Vai trò của các trung gian tài chính
  - + Thế chấp

10/11/2011

5

### I. Rào cản của TTTC và vai trò của trung gian tài chính : Thông tin bất cân xứng

#### 2.2. Rủi ro đạo đức (Moral Hazard)

- Rủi ro đạo đức khi đầu tư trên thị trường tài chính:
  - + Đầu tư cổ phiếu: The Principal – agent problems
  - + Đầu tư vào các công cụ nợ
- Biện pháp để giải quyết vấn đề rủi ro đạo đức
  - + Giám sát
  - + Các quy định của Chính phủ về cung cấp thông tin
  - + Tài sản ròng
  - + Các điều kiện ràng buộc trong hợp đồng nợ
  - + Vai trò của các trung gian tài chính

10/11/2011

6

## II. Các trung gian tài chính

1. **Các tổ chức nhận tiền gửi (Depository Institutions)**
2. **Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng (Contractual Savings Institutions)**
3. **Công ty tài chính (Finance Companies)**
4. **Các trung gian đầu tư (Investment Intermediaries)**

10/11/2011

7

### 1. Các tổ chức nhận tiền gửi

Các trung gian tài chính huy động tiền nhàn rỗi thông qua nhận tiền gửi từ cá nhân, tổ chức rồi cung cấp cho những chủ thể cần vốn chủ yếu dưới hình thức các khoản vay.

- Ngân hàng thương mại (Commercial Banks)
- Các tổ chức tiết kiệm (Savings and Loans Associations, Savings Banks, Building Societies)
- Các tổ chức tín dụng (Credit Unions)

10/11/2011

8

### Ngân hàng thương mại

#### ■ **Huy động vốn:**

1. Nhận tiền gửi thanh toán (tài khoản vãng lai- check/current deposits),
2. Tiền gửi tiết kiệm (savings deposits)
3. Tiền gửi có kỳ hạn (time deposits)

#### ■ **Sử dụng vốn:**

1. vay thương mại,
2. cho vay tiêu dùng,
3. vay thế chấp,
4. mua chứng khoán chính phủ...

#### ■ **Dịch vụ thanh toán qua ngân hàng**

**NHTM**

10/11/2011

9

### Các tổ chức tiết kiệm

#### ■ **Huy động vốn:**

1. Tiền gửi tiết kiệm (thường gọi là shares),
2. Tiền gửi kỳ hạn
3. Tiền gửi thanh toán (Mỹ, trước 1970s, không được phép nhận tiền gửi thanh toán).

#### ■ **Sử dụng vốn:**

Trước đây: chủ yếu cho vay thế chấp để mua nhà  
Hiện nay: Mở rộng hơn

10/11/2011

10

### Tổ chức/Quỹ tín dụng (Credit Unions)

- Do các thành viên sở hữu và quản lý
- Thành viên có tài khoản trong tổ chức tín dụng là người chủ tổ chức tín dụng
- Tổ chức phi lợi nhuận

10/11/2011

11

### 2. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng

Các trung gian tài chính huy động tiền theo định kỳ trên cơ sở một hợp đồng đã ký kết với khách hàng

- **Các công ty bảo hiểm (Insurance Companies)**
- **Các quỹ lương hưu (Pension Funds)**

10/11/2011

12

### Các công ty bảo hiểm (Insurance Companies)

Các công ty bảo hiểm là các trung gian tài chính với chức năng chủ yếu là cung cấp phương tiện để bảo vệ các hộ gia đình, các doanh nghiệp trước những tổn thất về tài chính do những rủi ro nhất định gây ra thông qua việc cung cấp các hợp đồng bảo hiểm theo đó các công ty bảo hiểm sẽ trả tiền bảo hiểm khi rủi ro xảy ra

- Các công ty bảo hiểm nhân thọ
- Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ

10/11/2011

13

### Các quỹ lương hưu (Pension Funds)

Các quỹ lương hưu cung cấp cho người lao động có được khoản thu nhập ổn định sau khi về hưu thông qua việc cung cấp các chương trình lương hưu (pension plans)

- Loại căn cứ vào mức độ đóng góp (a defined-contribution plan)
- Loại căn cứ vào mức độ trợ cấp (a defined-benefit plan)

10/11/2011

14

### 3. Công ty tài chính (Finance companies)

Các công ty tài chính huy động vốn bằng cách phát hành các chứng chỉ tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu... và sử dụng vốn đó để cho vay

- Điểm phân biệt với ngân hàng ???
- Các loại công ty tài chính:
  - + Công ty tài chính **bán hàng** (Sales finance company)
  - + Công ty tài chính **tiêu dùng** (Consumer finance company)
  - + Công ty tài chính **kinh doanh** (Business finance company)

10/11/2011

15

### 4. Trung gian đầu tư

- **Ngân hàng đầu tư** (Investment bank)
- **Công ty đầu tư mạo hiểm** (Venture Capital Firms)
- **Quỹ đầu tư tương hỗ** (Mutual funds)
- **Quỹ đầu tư tương hỗ thị trường tiền tệ** (Money market mutual funds)
- **Công ty quản lý tài sản** (Asset Management Firms)

10/11/2011

16

### Quỹ đầu tư (Mutual Funds)

Các quỹ đầu tư là các trung gian tài chính phát hành các chứng chỉ quỹ để huy động vốn từ các nhà đầu tư và sử dụng vốn đó để đầu tư vào chứng khoán.

- Lợi ích của việc đầu tư vào các quỹ đầu tư
- Phân loại:
  - Quỹ đầu tư mở (Open-end funds)
  - Quỹ đầu tư đóng (Closed-end funds)

10/11/2011

17

### Ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán

- **Ngân hàng đầu tư:** Giúp đỡ các doanh nghiệp, chính phủ huy động vốn cho hoạt động của họ thông qua phát hành chứng khoán. Các ngân hàng đầu tư còn hỗ trợ các công ty trong việc sát nhập hoặc mua lại công ty khác.
- **Công ty CK:** Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ mua bán chứng khoán trên thị trường thứ cấp.
- **The largest companies in the industry perform multiple services (e.g., underwriting and brokerage) and are generally called investment banks**

10/11/2011

18

### Ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán

Công ty CK và ngân hàng đầu tư có thể tham gia vào một số hoặc toàn bộ bảy lĩnh vực hoạt động chính sau:

- ❑ Đầu tư (Investing)
- ❑ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking)
- ❑ Tạo lập thị trường (Market Making)
- ❑ Giao dịch (Trading)
- ❑ Quản trị tiền mặt (Cash Management)
- ❑ Sát nhập và thu tóm (Mergers and Acquisitions)
- ❑ Các dịch vụ khác

10/11/2011

19

### Các công ty đầu tư khởi nghiệp

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ mới thành lập
- Đầu tư vào các doanh nghiệp mới, giúp các công ty này phát triển đến một mức độ nhất định, có thể phát hành cổ phiếu ra thị trường. Khi đến điểm đó, các công ty đầu tư khởi nghiệp sẽ bán số cổ phần của họ trong công ty ra công chúng và chuyển sang một dự án đầu tư khác

10/11/2011

20

### III. Ngân hàng thương mại

1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng
2. Chức năng của NHTM
3. Bảng cân đối kế toán của NHTM
4. Hoạt động cơ bản của NHTM
5. Những nguyên tắc cơ bản của quản trị NHTM

BANK ← { Banque (French) = chest (safekeeping)  
Banca (Italian) = Bench (Transactions)

10/11/2011

21

### 1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thời kỳ ngân hàng sơ khai



Giữ tiền



Giữ tiền  
Cho vay  
Thanh toán

10/11/2011

22

### 1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thế kỷ 13 – 17: Sự hồi sinh của ngân hàng



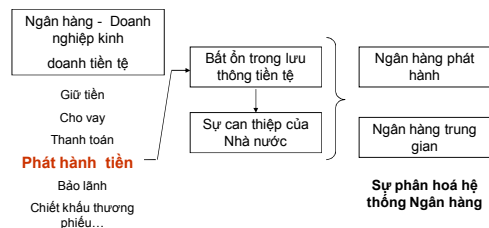
*Các ngân hàng ở Italia*

10/11/2011

23

### 1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thế kỷ 17 đến thế kỷ 19



10/11/2011

24

## 1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống ngân hàng

Thế kỷ 20 – nay: Ngân hàng hiện đại



Sự cạnh tranh từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng  
Sự ra đời của các tập đoàn tài chính khổng lồ

10/11/2011

25

## 2. Chức năng của NHTM

- Trung gian tín dụng (Intermediation)
- Thanh toán (Payment)
- “Tạo tiền”

10/11/2011

26

## 3. Bảng cân đối kế toán của NHTM

Tài sản = Nợ phải trả + Vốn của ngân hàng

10/11/2011

27

### 3.1. Nguồn vốn

#### 3.1.1. Vốn huy động – Tài sản nợ (Liabilities)

- Tiền gửi
- Vốn đi vay

#### 3.1.2. Vốn chủ sở hữu (Capital)

- **Vốn tự có (capital base):**
  - a/ Vốn điều lệ (charter capital)
  - b/ Các quỹ dự trữ
- **Vốn coi như tự có:**  
Quan điểm mới của Ủy ban Basel qui định

10/11/2011

28

**Table 1** Balance Sheet of All Commercial Banks (items as a percentage of the total, January 2003)

Assets (Uses of Funds)*		Liabilities (Sources of Funds)	
Reserves and cash items	5	Checkable deposits	9
Securities		Nontransaction deposits	
U.S. government and agency	15	Small-denomination time deposits (< \$100,000) + savings deposits	42
State and local government and other securities	10	Large-denomination time deposits	14
Loans		Borrowings	28
Commercial and industrial	14	Bank capital	7
Real estate	29		
Consumer	9		
Interbank	4		
Other	8		
Other assets (for example, physical capital)	6		
Total	100	Total	100

\*In order of decreasing liquidity.  
Source: [www.federalreserve.gov/releases/h8/current/](http://www.federalreserve.gov/releases/h8/current/).

10/11/2011

29

### Tiền gửi

- Nguồn vốn lớn nhất và quan trọng nhất của các ngân hàng
- Các loại tiền gửi
  - Tiền gửi thanh toán
  - Tiền gửi tiết kiệm
  - Tiền gửi có kỳ hạn

10/11/2011

30

## Vốn đi vay

### - Vay từ NHTW:

NHTW Việt Nam cho các ngân hàng vay ngắn hạn dưới các hình thức *tái cấp vốn* theo các loại sau:

- + Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng
- + Chiết khấu, tái chiết khấu các chứng từ có giá
- + Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

### - Vay từ các NHTM khác

- Vay dưới hình thức phát hành các giấy tờ có giá
- Vay khác

10/11/2011

31

## Vốn chủ sở hữu

- Ủy ban Basel quy định các ngân hàng phải đạt hệ số vốn so với tài sản Có dựa trên cơ sở rủi ro là **8%**.

- Tiêu chuẩn Basel đã thống nhất về hệ thống 2 bậc vốn tự có, cụ thể:

➤ **Bậc 1 - Vốn tự có cơ bản**: (cổ phần thường, cổ phần ưu đãi dài hạn, thặng dư vốn, lợi nhuận không chia, dự phòng chung các khoản dự trữ vốn khác, các phương tiện ủy thác có thể chuyển đổi và dự phòng lỗ tín dụng). Đó chính là phần vốn điều lệ và các quỹ dự trữ.

➤ **Bậc 2 - vốn tự có bổ sung** cũng được coi là một nguồn vốn của ngân hàng. Gồm: cổ phần ưu đãi có thời hạn, các trái phiếu bổ sung và giấy nợ, vốn bậc 2 chỉ có thể đạt mức cao nhất là 50% so với tổng số vốn chủ sở hữu của một ngân hàng và các phương tiện tài chính trong quỹ bổ sung phải bị loại bỏ dần khỏi vốn tự có của ngân hàng khi đến ngày đáo hạn).

10/11/2011

32

## 3.2. Tài sản của NHTM (Assets) – Sử dụng vốn ngân hàng

- Dự trữ tiền mặt.
- Chứng khoán
  - Chứng khoán kinh doanh
  - Chứng khoán đầu tư
- Cho vay
- Góp vốn đầu tư dài hạn
- Tài sản cố định

10/11/2011

33

## Cho vay

Cho vay (cấp tín dụng) là sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu (NHTM) sang người sử dụng (người đi vay) trong một thời gian nhất định. Hết thời gian này, người sử dụng sẽ hoàn trả một lượng giá trị lớn hơn lượng giá trị ban đầu.

10/11/2011

34

## Các phương thức cho vay

Cho vay có tài sản đảm bảo: Cho vay thế chấp, cho vay trả góp, cho vay có bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba

- ✓ Cho vay thấu chi
- ✓ Cho vay từng lần
- ✓ Cho vay theo hạn mức tín dụng
- ✓ Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng
- ✓ Cho vay bổ sung vốn lưu động
- ✓ Cho vay chiết khấu
- ✓ Cho vay theo dự án đầu tư
- ✓ Cho vay hợp vốn
- ✓ Cho thuê tài chính

10/11/2011

35

## 4. Hoạt động cơ bản của NHTM

- Quá trình “chuyển biến tài sản” (*asset transformation*): Các NHTM huy động các tài sản nợ và dùng số tiền này để sử dụng vào các tài sản có với những đặc tính khác
- “Đi vay ngắn hạn và cho vay dài hạn” (*borrow short and lend long*): các NHTM thường cho vay các khoản vay dài hạn và tài trợ cho chúng bởi những khoản tiền gửi ngắn hạn.
- Hoạt động ngoại bảng

10/11/2011

36



## Quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro tín dụng
- Quản trị rủi ro lãi suất

10/11/2011

43

cuu duong than cong . com